TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2026
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu;

2. Ông Huỳnh Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Nh, sinh ngày 01/01/1989.

HKTT: Số 126, Tổ 13, Khóm 6, Phường S, thành phố C (nay là Khóm TT, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 317, đường TVH, Khóm 2, Phường S, thành phố C (nay là Khóm TVH, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn*: Anh Trương Tuấn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 126, Tổ 13, Khóm 6, Phường S, thành phố C (nay là Khóm Tịnh Thới, Phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Phạm Thị Nh có mặt, anh Trương Tuấn K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Nh và anh Trương Tuấn K kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự (nay là UBND xã Long Phú Thuận) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 260 ngày 28/12/2009.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc như trước. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay. Nay chị Phạm Thị Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Tuấn K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phạm An K1, sinh ngày 13/11/2009 và Trương Phạm Tấn Phát, sinh ngày 02/8/2013. Hiện nay hai con chung đang sống với chị Nh. Sau khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Tuấn K: Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh K không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trương Tuấn K, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con".

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trương Tuấn K là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại Số 126, Tổ 13, Khóm 6, Phường S, thành phố C (nay là Khóm Tịnh Thới, Phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Trương Tuấn K nhưng anh Trương Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh và anh Trương Tuấn K kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là UBND xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 260 ngày 28/12/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời chị Nh trình bày, trong quá trình chị Nh và anh K chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chị Nh và anh K chung sống việc phát sinh mâu thuẫn là có thật và vợ chồng anh chị đã không còn chung sống với nhau từ tháng 8/2025 cho đến nay. Thời gian xa nhau, anh chị cũng không thể hàn gắn lại tình cảm. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nh xác định đã không còn tình cảm với anh K. Về phía anh K, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng đến nay anh K vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị Nh và anh K cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với chị Nh. Do mâu thuẫn giữa chị Nh và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Nh, chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Trương Tuấn K.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phạm An K1, sinh ngày 13/11/2009 và Trương Phạm Tấn Phát, sinh ngày 02/8/2013.

Theo lời trình bày của chị Nh, hiện nay hai con chung đang sống với chị Phạm Thị Nh. Sau khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Trương Phạm An K1 và Trương Phạm Tấn Phát.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai con chung An Kỳ và Tấn Phát đang sống chung với chị Nh do chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu của chị Nh về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là đảm bảo sự ổn định môi trường sống của các con chung và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nh xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trương Tuấn K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh. Chị Phạm Thị Nh được ly hôn với anh Trương Tuấn K.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Phạm An K1, sinh ngày 13/11/2009 và Trương Phạm Tấn Phát, sinh ngày 02/8/2013. Hiện nay hai con chung đang sống với chị Phạm Thị Nh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nh. Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trương Phạm An K1, sinh ngày 13/11/2009 và Trương Phạm Tấn Phát, sinh ngày 02/8/2013.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009074 ngày 26/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Nh đã nộp xong.

Anh Trương Tuấn K không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Nh được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Tuấn K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS KV6-ĐT;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hừng